

Quá trình biến đổi kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh trong 20 năm đầu đổi mới (1986-2006)

• **Nguyễn Thanh Long**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Quá trình biến đổi kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trong 20 năm đầu đổi mới là quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ hai thành phần kinh tế thành sáu thành phần

kinh tế, từ quan hệ cấp phát - giao nộp sang quan hệ thị trường. Quá trình biến đổi này đã khơi thông các nguồn lực và nhờ đó kinh tế TP.HCM đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực về thị trường, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế và tốc độ tăng trưởng GDP.

Từ khóa: biến đổi kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh, Đổi mới, Cơ cấu kinh tế

Công cuộc Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, bắt đầu bằng việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (1986) thay cho nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, đến nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1991) và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (2001) đã làm cho diện mạo kinh tế TP.HCM biến đổi sâu sắc. Bài viết này cung cấp một số minh chứng về quá trình biến đổi ấy.

1. Quá trình biến đổi của các thành phần kinh tế

Bảng 1. Giá trị sản xuất phân theo thành phần kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh (theo giá thực tế)

(Đvt: triệu đồng)

	1985	1990	1995	2000	2006
Quốc doanh	13.499	5.310.216	19.094.000	32.621.000	63.607.000
Ngoài quốc doanh	8.631	3.162.916	15.402.000	43.242.000	127.404.000

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê TP. HCM các năm 1991, 1995, 2000 và 2007)

Số liệu bảng 01 cho thấy: *thứ nhất*, trước đổi mới, kinh tế TP. HCM lâm vào tình trạng khủng hoảng, tổng giá trị sản xuất của cả hai thành phần kinh tế là rất nhỏ, quốc doanh đạt 13.499 triệu đồng và ngoài quốc doanh đạt 8.631 triệu đồng. *Thứ hai*, trong 10 năm đầu (1985-1995) thực hiện đổi mới thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh nhưng giá trị sản xuất và tỷ trọng vẫn thấp hơn thành phần kinh tế quốc doanh, nguyên nhân chính là do thành phần kinh tế quốc doanh được “cởi trói” đã vận dụng sức mạnh sẵn có cùng với

tiềm lực của nó, trong khi thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phải xây dựng từ đầu – do mới được hợp thức hóa. *Thứ ba*, giai đoạn 10 năm tiếp theo (1996-2006) giá trị sản xuất tuyệt đối của thành phần kinh tế quốc doanh tiếp tục tăng, nhưng tỷ trọng giá trị sản xuất trong cơ cấu nền kinh tế giảm, nguyên nhân là bởi các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Tính đến năm 2006, giá trị sản xuất của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã hơn gấp 2 lần so với quốc doanh và tăng gấp 14.761 lần so với năm 1985.

Bảng 2. Số lao động công nghiệp làm việc phân theo thành phần kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh

(Đvt: người)

	1985	1990	1995	2000	2006
Quốc doanh	135.049	122.625	174.657	183.227	147.545
Ngoài quốc doanh	--	--	231.223	494.116	969.747

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê TP. HCM các năm 1991, 1995, 2000 và 2007)

Thực hiện đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đồng nghĩa với việc giảm tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Do vậy, việc xem xét sự chuyển biến số lượng lao động trong ngành công nghiệp phân theo thành phần kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh không chỉ giúp so sánh quá trình và mức độ tăng trưởng mà còn giúp khái quát tốc độ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của hai thành phần kinh tế này. Theo bảng 02, số lao động công nghiệp làm việc trong thành phần kinh tế quốc doanh ở TP. HCM không có những biến động lớn về số tuyệt đối nhưng tỷ trọng trong cơ cấu bị sụt giảm mạnh suốt 20 năm đầu đổi mới. Điều này phần nào cho thấy quy mô sản xuất của khu vực kinh tế quốc doanh không giảm, sự sụt giảm tỷ trọng là do sự phát triển nhanh và mạnh của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Tỷ lệ lao động công nghiệp giữa thành phần kinh tế quốc doanh và ngoài quốc doanh năm 1995 là 43/57(%), năm 2000 là 27/73(%) và năm 2006 là 13/87(%).

Thành phần kinh tế tập thể: trước đổi mới là một trong hai thành phần kinh tế cấu thành kinh tế

xã hội chủ nghĩa. Kinh tế tập thể có mặt trong tất cả các khu vực kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp-xây dựng và thương mại-dịch vụ, song bộ phận quan trọng nhất của thành phần kinh tế tập thể là các hợp tác xã nông nghiệp – lực lượng kinh tế chính ở nông thôn.

Trước thực trạng khủng hoảng của kinh tế nông nghiệp những năm đầu thập niên 80 thế kỷ XX, TP. HCM đã từng bước vận dụng Chỉ thị 100-CT/TW (1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng; chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần VI (1986); thi hành Luật Đất đai (1987) và tiếp sau đó là thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW (1988). Đến đầu những năm 1990 về căn bản ở TP.HCM đã không còn hợp tác xã kiểu cũ mà thay vào đó là kinh tế cá thể và hộ gia đình. Kinh tế nông nghiệp ở TP. HCM đã đạt được sự tăng trưởng mạnh.

Việc pháp chế hóa các quan hệ kinh tế nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là việc ban hành bộ Luật Đất đai năm 1987 và những lần sửa đổi sau đó đã làm xuất hiện lực lượng kinh tế mới ở nông thôn – kinh tế cá thể và hộ gia đình. Hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên hai cơ sở chính: *một là*, ruộng

đất (tư liệu sản xuất chính) thuộc sở hữu toàn dân với một số quyền được trao cho cá nhân và hộ gia đình, như: quyền sử dụng, cho thuê, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp (Điều 3 Luật Đất đai năm 1987), thực chất đây là quyền “sở hữu hạn chế”. Hai là, cơ chế thị trường trở thành yếu tố điều tiết

chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả lao động mà người nông dân thụ hưởng dựa trên mức đầu tư và tài năng riêng của hộ gia đình thay cho hình thức cào bằng “công - điểm” của hợp tác xã kiểu cũ đã khuyến khích sự đầu tư và phát triển của thành phần kinh tế này.

Bảng 3. Dân số TP. HCM phân theo thành thị và nông thôn

(Đvt: người)

	1985	1990	1995	2000	2006
Dân số thành thị	2.781.000	3.026.994	3.322.323	4.354.117	5.463.481
Dân số nông thôn	707.000	1.091.366	1.317.794	894.585	961.038

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê TP. HCM các năm 1991, 1995, 2000 và 2007)

Xem xét bảng phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn cho thấy trong suốt những năm 1985-2006 dân số nông thôn luôn thấp hơn thành thị, năm 1985 dân số nông thôn chiếm hơn 20%, mười năm sau (1995) tăng lên 28,4% và đến năm 2006 con số này giảm còn gần 15%. Tuy vậy, con số tuyệt đối thì không hề nhỏ, do đó sự biến đổi của hợp tác xã kiểu cũ và việc hợp thức hóa thành phần kinh tế cá thể và hộ gia đình đã tác động và làm biến đổi sâu sắc bộ mặt kinh tế nông thôn, đồng thời ảnh hưởng tích cực đến toàn nền kinh tế TP. HCM.

Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân và

kinh tế tư bản Nhà nước): vốn đã hình thành và phát triển ở TP. HCM từ rất lâu đời, trong quá trình thực hiện cuộc “cách mạng quan hệ sản xuất” những năm 1975 - 1985, các thành phần kinh tế này bị xóa bỏ bằng mệnh lệnh hành chính và xây dựng nền kinh tế XHCN với hai thành phần kinh tế: Nhà nước và tập thể. Đến thời kỳ đổi mới, các thành phần kinh tế này lần lượt được hợp thức hóa bởi chủ trương đổi mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước (Luật Công ty năm 1990, Luật Hiến pháp 1992, Luật Lao động năm 1994, Luật doanh nghiệp năm 2005) nên đã không ngừng lớn mạnh.

Bảng 4. Số cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

		1985	1990	1995	2000	2006
TP.HCM	KVTNCT	15.653	21.162	31.355	25.802	34.495
	CSTD	--	--	699	1.351	6.335

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê Tp.HCM các năm 1991, 1995, 2000 và 2007)

(Ghi chú: + KVTNCT: khu vực tư nhân cá thể, bao gồm: hộ và cá thể.

+ CSTD: khu vực tư doanh, bao gồm: công ty cổ phần, công ty TNHH và doanh nghiệp tư nhân.)

Số cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thuộc khu vực tư nhân cá thể đã tăng mạnh, so với mốc 1985, năm 1995 tăng 100% và năm 2006 tăng 120%. Cùng xu hướng, Số cơ sở sản xuất kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư doanh cũng diễn biến theo chiều hướng tăng trưởng. Theo số liệu thống kê, năm 1995 TP. HCM có 699 cơ sở đến năm 2006 là 6.335 cơ sở, tăng khoảng 900%.

Tương tự như những diễn biến trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh cũng đạt được sự lớn mạnh về số lượng trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Tính đến năm 2006, số cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuộc khu vực kinh tế tư nhân, cá thể và cơ sở tư doanh ở TP. HCM lần lượt là 258.325 và 26.400 cơ sở.

Bảng 5. Số cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ

		1985	1991	1998	2000	2006
TP.HCM	KVTNCT	---	85.459	126.370	130.473	258.325
	CSTD	---	---	---	4.736	26.400

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê TP. HCM các năm 1991, 1998, 2000 và 2007)

Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: được quan tâm ngay từ khi có chủ trương đổi mới, quá trình hợp thức hóa và pháp điển hóa diễn ra liên tục nhằm phát triển thành phần kinh tế này: năm 1987, chỉ một năm sau khi có chủ trương đổi mới của Đảng, bộ Luật Đầu tư nước ngoài được ban

hành. Năm 1989, bãi bỏ hạn ngạch hàng hóa (trừ 10 loại hàng hóa xuất khẩu và 14 loại hàng hóa nhập khẩu). Năm 1991, cho phép công ty tư nhân được trực tiếp xuất nhập khẩu, năm 1992 ký hiệp định thương mại với EU...

Bảng 6. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh

(Đvt: triệu USD)

	1988-1994	1995-2000	2001-2006
Số dự án	465	679	1.452
Vốn đăng ký	5.748	7.455	3.975

(Nguồn: Cục thống kê TP. HCM (2007), Niên giám thống kê năm 2006, Nxb. Thống kê TP. HCM, tr. 77)

Bảng 06 cho thấy, TP. HCM luôn là địa phương có sức hút dự án và vốn đầu tư nước ngoài, tính từ năm 1988 đến 2006 thành phố có tổng số dự án được cấp phép là 2.596 và tổng vốn đăng ký là 17.178 triệu USD.

Việc pháp điển hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho thành phần kinh tế nước ngoài phát triển ở TP. HCM đã có tác dụng tạo nhiều việc làm mới, góp phần làm phát triển nền kinh tế, chuyển giao kỹ thuật - công nghệ hiện đại giúp thu hẹp trình độ sản xuất với thế giới, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và thương mại, giảm tỷ trọng nông nghiệp và là nhíp

cầu nối hữu hiệu giúp kinh tế TP. HCM hội nhập thị trường thế giới.

2. Quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh 20 năm đầu đổi mới (1986-2006)

Chuyển dịch cơ cấu GDP: theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại-dịch vụ (khu vực III), giảm dần nông nghiệp (khu vực I) và công nghiệp-xây dựng (khu vực II). Tỷ trọng khu vực I đã giảm từ 6,5% năm 1985 xuống còn 1,2% năm 2006, khu vực II giảm từ 67,3% năm 1985 xuống còn 47,7% năm 2006, khu vực III tăng mạnh từ 26,2% năm 1985 lên đến 51,1% năm 2006.

Bảng 7. Cơ cấu GDP Thành phố Hồ Chí Minh phân theo khu vực kinh tế (ĐVT: %)

	Tổng số	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1985	100	6,5	67,3	26,2
1990	100	5,7	68,7	25,3
1995	100	3,2	41,2	55,7
2000	100	2,0	45,4	52,6
2006	100	1,2	47,7	51,1

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê các năm 1991, 1998, 2003, 2006 và Kinh tế TP. HCM 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000))

Khu vực I: đã đạt được sự tăng trưởng mạnh về giá trị sản xuất, mặc dù vậy, chỉ chiếm một tỷ trọng

nhỏ trong cơ cấu GDP của TP. HCM. Tổng giá trị sản xuất các năm: 1985 đạt 1.806 triệu đồng, năm

1995 con số này là 1.620.213 triệu đồng và năm 2006 là 4.388.701 triệu đồng (theo giá thực tế). Trong đó, ngành nông nghiệp và ngư nghiệp đã đạt được những tăng trưởng liên tục qua các năm, riêng ngành lâm nghiệp từ năm 2000 đã có sự sụt giảm về giá trị sản xuất¹.

Khu vực II: đạt giá trị sản xuất công nghiệp cao qua các năm: năm 1985 đạt 2.804 tỷ đồng², năm 1995 đạt 9.536 tỷ đồng³ (giá cố định năm 1989) và năm 2006 đạt 285.214 tỷ đồng⁴ (theo giá thực tế).

Mặc dù tốc độ phát triển cao và là ngành kinh tế đầu tàu không chỉ đối với TP. HCM mà còn của cả khu vực, nhưng nhìn chung, ngành kinh tế công nghiệp vẫn tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, hàm lượng khoa học, công nghệ trong sản phẩm còn ít. Các ngành thực phẩm, dệt và hóa chất luôn có giá trị sản lượng cao nhất, kể đến là các ngành điện, luyện kim đen, xây dựng, may, chế biến gỗ và giấy. Năm 1996, giá trị sản xuất của ngành chế biến trên tổng giá trị sản xuất công nghiệp là 43.701/45.341 tỷ đồng, năm 2000 là 90.488/94.177 tỷ đồng và năm 2006 là 279.417/285.214 tỷ đồng. Các phân ngành công nghiệp khai thác, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ⁵.

Khu vực III: đạt được sự gia tăng về quy mô và giá trị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Năm 1990, tổng mức hàng hóa bán ra đạt 7.934.608 triệu đồng (theo giá thực tế), trong đó, kinh tế quốc doanh chiếm 5.074.567 triệu đồng, kinh tế tập thể chiếm 193.041 triệu đồng và kinh tế tư nhân chiếm 2.667.000 triệu đồng. Đến năm 1995, giá trị sản xuất thương nghiệp đạt 9.805.147 triệu đồng (theo giá thực tế). Trong

đó, thành phần kinh tế Nhà nước chiếm 2.759.814 triệu đồng, kinh tế tư nhân cá thể 1.925.889 triệu đồng, kinh tế tập thể 37.476 triệu đồng và thành phần kinh tế liên doanh nước ngoài chiếm 14.259 triệu đồng⁶.

Đến năm 2000, số cơ sở thương mại, khách sạn nhà hàng, du lịch và dịch vụ đạt 138.031 cơ sở và năm 2006 con số này là 287.229 cơ sở. Phân theo thành phần kinh tế, năm 2006 doanh nghiệp nhà nước và tập thể chỉ chiếm 1.924 trong tổng số 287.229 cơ sở⁷.

Cùng với sự phát triển về số lượng cơ sở kinh doanh là sự gia tăng về giá trị sản xuất, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 1996 đạt 41.337 tỷ đồng, năm 2000 đạt 57.988 tỷ đồng và đến năm 2006 đạt 131.903 tỷ đồng (theo giá thực tế).

Phân ngành thương nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao trong khi phân ngành dịch vụ chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị bán lẻ, năm 1990 chiếm 6.823.297 triệu đồng, năm 2000 chiếm đến 47.147 tỷ đồng trên tổng mức bán lẻ là 57.988 tỷ đồng và luôn duy trì tỷ trọng cao trong các năm sau, đến năm 2006, con số này là 107.786/131.903 tỷ đồng⁸.

Chuyển dịch cơ cấu lao động: Năm 1995 có 238.893 lao động làm việc trong khu vực kinh tế I, chiếm khoảng 13,7% cơ cấu lao động toàn thành, đến năm 2006 số lao động tuyệt đối giảm còn 142.834 người, chiếm khoảng 5,1% cơ cấu lao động. Nguyên nhân của việc sụt giảm lao động là do một bộ phận lao động thuần nông đã được chuyển sang làm việc trong các lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp và một bộ phận không nhỏ tham gia chương trình kinh tế mới được đưa đến các tỉnh tham gia khai hoang phục hóa phát triển kinh tế tại địa phương mới.

¹ Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr.215.

² Cục Thống kê Tp.HCM (1991), *Niên giám thống kê 1991*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 61.

³ Cục Thống kê Tp.HCM (1995), *Niên giám thống kê 1995*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 105.

⁴ Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 61.

⁵ Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 149.

⁶ Cục Thống kê Tp.HCM (1995), *Niên giám thống kê 1995*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 163.

⁷ Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 251.

⁸ Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, Tp.HCM. Tr. 257.

Bảng 8. Cơ cấu lao động TP. HCM theo khu vực kinh tế

	Tổng số	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1995	1.740.611	238.893	677.061	476.069
2000	2.241.434	142.091	1.084.004	688.676
2006	2.776.981	142.834	1.243.514	971.616

(Nguồn: Tổng hợp niên giám thống kê TP. HCM các năm 1991, 1998, 2000 và 2007)

Khu vực kinh tế II, năm 1995 có 677.061 lao động, chiếm 38,9% cơ cấu, đến năm 2006 số lao động tăng lên 1.243.514 người và chiếm 44,7% cơ cấu.

Khu vực kinh tế III, năm 1995 có 476.069 lao động, chiếm 27,3% cơ cấu, đến năm 2006 số lao động tăng lên 971.616 người, chiếm 34,9% cơ cấu.

Tóm lại, quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước trong 20 năm đầu đổi mới đã mở rộng thành phần kinh tế từ 2 thành 6 và mở đường cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ở TP. HCM phát triển. Khu vực kinh tế nông nghiệp, kinh tế cá thể và hộ gia đình thay cho kinh tế hợp tác xã, quan hệ kinh tế thị trường thay cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung, kết quả lao động dựa trên vốn đầu tư của hộ gia đình thay cho hình thức cào bằng “công -

điểm” của hợp tác xã; khu vực kinh tế công nghiệp-xây dựng, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể sau khi được hợp thức hóa, số lượng cơ sở sản xuất đã được thành lập và phát triển, theo đó, giá trị sản xuất cũng ngày một tăng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu; khu vực kinh tế thương mại-dịch vụ, tình trạng ngăn sông cấm chợ được gỡ bỏ, quan hệ kinh tế thị trường được hợp thức hóa, quyền hoạt động thương mại của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được mở rộng, kể cả quyền xuất nhập khẩu trực tiếp, các hạn ngạch hàng hóa được dỡ bỏ từng bước và Việt Nam tham gia vào nhiều tổ chức thương mại quốc tế. Quá trình nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế ở TP. HCM phát triển một cách toàn diện.

The process of economic transformation in Ho Chi Minh City in the first 20 years of innovation (1986-2006)

• **Nguyen Thanh Long**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The process of economic transformation in Ho Chi Minh City in the first 20 years of innovation is the process of converting the economy from a centrally planned bureaucracy into market economy with socialist orientation, from two economic sectors into six economic sectors, from allocating-handing relations to

market relations. The process of change did unblock resources thanks to which Ho Chi Minh City has achieved many positive changes in terms of market operation, economic sectors, economic structure and growth rate of GDP.

Keywords: economic transformation, Ho Chi Minh City, innovation, economic structure

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thống kê Tp.HCM (1991), *Niên giám thống kê 1991*, Nxb. Thống kê, TP.HCM.
- [2]. Cục Thống kê Tp.HCM (1995), *Niên giám thống kê 1995*, Nxb. Thống kê, TP.HCM.
- [3]. Cục Thống kê Tp.HCM (1998), *Niên giám thống kê 1998*, Nxb. Thống kê, TP.HCM.
- [4]. Cục Thống kê Tp.HCM (2000), *Niên giám thống kê 1999*, Nxb. Thống kê, TP.HCM.
- [5]. Cục Thống kê Tp.HCM (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Nxb. Thống kê, TP.HCM.
- [6]. <http://www.cpv.org.vn/cpv>
- [7]. <http://www.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>